

Số: 19/2016/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 09 tháng 9 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý, bảo trì
công trình đường bộ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6
năm 2015;*

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

*Căn cứ Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11
năm 2008;*

*Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của
Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;
Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 về việc sửa đổi, bổ
sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của
Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng
giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2012 của
Chính phủ về Quỹ bảo trì đường bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của
Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của
Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành
văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011 của
Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số
11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý
và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2013 của
Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, khai thác và bảo trì công trình
đường bộ; Thông tư số 20/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ
Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2013/TT-
BGTVT;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải Cao Bằng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “ Quy định quản lý, bảo trì công trình đường bộ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 07/2014/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2014 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc Ban hành Quy chế quản lý, bảo trì đường bộ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản -Bộ Tư pháp;
- VP: CVP, các PCVP, TTTT, các CV;
- Lưu: VT, GT (H. 02b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Ánh

QUY ĐỊNH

Quản lý, bảo trì công trình đường bộ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.
(Ban hành kèm theo Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND ngày 09/9/2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về quản lý, bảo trì công trình đường bộ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, bao gồm: đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện.

Việc quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn (đường xã, đường thôn bản, ngõ xóm) được thực hiện theo Thông tư số 12/2014/TT-BGTVT ngày 29/4/2014 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về quản lý, vận hành khai thác cầu trên đường giao thông nông thôn và Thông tư số 32/2014/TT-BGTVT ngày 08/8/2014 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn).

2. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác quản lý, bảo trì mạng lưới đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đường tỉnh* là đường nối trung tâm hành chính của tỉnh với trung tâm hành chính của huyện, thành phố hoặc trung tâm hành chính của tỉnh lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển Kinh tế - Xã hội của tỉnh.

2. *Đường huyện* là đường nối trung tâm hành chính của huyện, thành phố với trung tâm hành chính của phường, xã, cụm xã hoặc trung tâm hành chính của huyện, thành phố lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển Kinh tế - Xã hội của huyện, thành phố.

3. *Đường đô thị* là đường trong phạm vi địa giới hành chính nội thành, nội thị.

4. *Đường chuyên dùng* là đường chuyên phục vụ cho việc vận chuyển, đi lại của một hoặc một số cơ quan, tổ chức cá nhân.

5. *Bảo trì công trình đường bộ* là tập hợp các công việc nhằm đảm bảo và duy trì sự làm việc bình thường, an toàn của công trình theo quy định của thiết kế trong suốt quá trình khai thác, sử dụng.

6. *Quy trình bảo trì công trình đường bộ* là quy định về trình tự, nội dung và chỉ dẫn thực hiện các công việc bảo trì công trình đường bộ.

7. *Cơ quan quản lý đường bộ* là cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, UBND huyện, thành phố giao quản lý, bảo trì đường bộ.

8. *Nhà thầu bảo trì công trình đường bộ* là các tổ chức, cá nhân được cơ quan quản lý đường bộ, doanh nghiệp đầu tư và quản lý khai thác công trình đường bộ, chủ sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng giao nhiệm vụ hoặc ký hợp đồng thực hiện một hoặc một số công việc bảo trì và khai thác công trình, đường bộ. Nhà thầu bảo trì công trình đường bộ bao gồm: Nhà thầu quản lý, bảo dưỡng và khai thác công trình đường bộ; nhà thầu thi công sửa chữa và các nhà thầu khác tham gia thực hiện các công việc bảo trì công trình đường bộ.

9. *Chủ sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng* là các tổ chức, cá nhân sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng theo quy định của pháp luật hoặc tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng ủy quyền quản lý, khai thác, sử dụng và bảo trì công trình đường bộ chuyên dùng theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Yêu cầu về quản lý, bảo trì đường bộ

Công trình đường bộ khi đưa vào khai thác, sử dụng phải được quản lý, khai thác và bảo trì theo quy định tại Luật Xây dựng, Luật Giao thông đường bộ, Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010, Nghị định số 10/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng (sau đây viết tắt là Nghị định 46/2015/NĐ-CP), Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Bộ Giao thông Vận tải quy định về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ (sau đây viết tắt là Thông tư 52/2013/TT-BGTVT) và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 4. Nội dung bảo trì công trình đường bộ

Nội dung bảo trì công trình đường bộ bao gồm: Kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa công trình, kiểm định chất lượng, quan trắc công trình.

1. Kiểm tra công trình đường bộ là việc xem xét quan sát bằng trực quan hoặc bằng thiết bị chuyên dụng để đánh giá hiện trạng công trình nhằm phát hiện kịp thời các dấu hiệu xuống cấp, những hư hỏng của công trình làm cơ sở cho việc bảo dưỡng công trình.

2. Bảo dưỡng thường xuyên công trình đường bộ là các hoạt động theo dõi, chăm sóc, sửa chữa những hư hỏng nhỏ, duy tu thiết bị lắp đặt vào công trình đường bộ, được tiến hành thường xuyên, định kỳ để duy trì công trình đường bộ ở trạng thái khai thác, sử dụng bình thường và hạn chế phát sinh các hư hỏng công trình đường bộ được thực hiện theo kế hoạch bảo trì hàng năm và quy trình bảo trì được phê duyệt.

3. Sửa chữa công trình đường bộ là các hoạt động khắc phục hư hỏng của công trình được phát hiện trong quá trình khai thác, sử dụng nhằm đảm bảo sự làm việc bình thường, an toàn của công trình đường bộ. Sửa chữa công trình đường bộ bao gồm sửa chữa định kỳ và sửa chữa đột xuất, cụ thể:

a) Sửa chữa định kỳ công trình đường bộ là hoạt động sửa chữa được thực hiện theo kế hoạch nhằm khôi phục, cải thiện tình trạng kỹ thuật của công trình đường bộ mà bảo dưỡng thường xuyên công trình không đáp ứng được, bao gồm: sửa chữa hư hỏng; thay thế bộ phận công trình, thiết bị công trình và thiết bị công nghệ bị hư hỏng được thực hiện định kỳ theo quy định của quy trình bảo trì công trình đường bộ;

b) Sửa chữa đột xuất công trình đường bộ là hoạt động sửa chữa phải thực hiện bất thường khi bộ phận công trình, công trình bị hư hỏng do chịu các tác động đột xuất như mưa bão, lũ lụt, động đất, va đập, cháy nổ hoặc những tác động thiên tai đột xuất khác hoặc khi có biểu hiện có thể gây hư hỏng đột biến ảnh hưởng đến an toàn sử dụng, khai thác công trình hoặc có khả năng xảy ra sự cố dẫn tới thảm họa.

4. Kiểm định chất lượng công trình bao gồm các hoạt động kiểm tra và xác định chất lượng hoặc đánh giá sự phù hợp chất lượng của công trình so với yêu cầu của thiết kế, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật thông qua việc xem xét hiện trạng công trình bằng trực quan kết hợp với phân tích, đánh giá các số liệu thử nghiệm công trình. Việc kiểm định chất lượng công trình phục vụ bảo trì công trình đường bộ thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 40 Nghị định 46/2015/NĐ-CP.

5. Quan trắc công trình đường bộ là sự theo dõi, quan sát, đo đạc các thông số kỹ thuật của công trình theo yêu cầu của thiết kế trong quá trình sử dụng. Việc quan trắc thực hiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 40 Nghị định 46/2015/NĐ-CP.

Chương II

QUY TRÌNH BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ

Điều 5. Trách nhiệm lập quy trình bảo trì công trình đường bộ

1. Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ:

a) Nhà thầu thiết kế kỹ thuật (đối với công trình thiết kế 3 bước), nhà thầu thiết kế bản vẽ thi công (đối với công trình thiết kế 1 hoặc 2 bước) có trách nhiệm lập và bàn giao cho chủ đầu tư quy trình bảo trì công trình, bộ phận công trình do mình thiết kế cùng với hồ sơ thiết kế; cập nhật quy trình bảo trì cho phù hợp với các nội dung thay đổi thiết kế trong quá trình thi công xây dựng (nếu có) trước khi nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng.

b) Nhà thầu cung cấp thiết bị lắp đặt vào công trình lập và bàn giao cho chủ đầu tư quy trình bảo trì đối với thiết bị do mình cung cấp trước khi lắp đặt vào công trình.

c) Trường hợp nhà thầu thiết kế, nhà thầu cung cấp thiết bị quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này không lập được quy trình bảo trì, chủ đầu tư thuê tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật để lập quy trình bảo trì. Kinh phí thuê tổ chức tư vấn lập quy trình bảo trì lấy từ kinh phí trong hợp đồng ký kết với nhà thầu thiết kế hoặc nhà thầu cung cấp thiết bị.

2. Đối với các công trình đang sử dụng nhưng chưa có quy trình bảo trì, cơ quan quản lý đường bộ tổ chức lập hoặc thuê tư vấn lập quy trình bảo trì công trình đường bộ, có thể tổ chức kiểm định chất lượng công trình xây dựng làm cơ sở để lập quy trình bảo trì công trình xây dựng nếu cần thiết. Trong quy trình bảo trì phải xác định rõ thời gian sử dụng còn lại của công trình.

3. Không bắt buộc lập quy trình bảo trì đối với các công trình, hạng mục công trình sau:

a) Công trình tạm, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Đối với trường hợp này, cơ quan quản lý đường bộ vẫn phải tổ chức thực hiện bảo trì theo quy định của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

b) Công trình, hạng mục công trình đã có quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo trì được cơ quan có thẩm quyền ban hành.

4. Trường hợp có tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo trì hoặc có quy trình bảo trì của công trình tương tự phù hợp thì cơ quan quản lý đường bộ có thể áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc quy trình đó cho công trình mà không cần lập quy trình bảo trì riêng.

Điều 6. Nội dung và căn cứ lập quy trình bảo trì công trình đường bộ

1. Nội dung quy trình bảo trì công trình được lập phải bảo đảm bao quát toàn bộ các bộ phận công trình theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

2. Căn cứ lập quy trình bảo trì công trình đường bộ bao gồm:

- a) Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho công trình;
- b) Quy trình bảo trì của công trình tương tự (nếu có);
- c) Hồ sơ thiết kế (kể cả hồ sơ thiết kế điều chỉnh, nếu có), chỉ dẫn kỹ thuật thi công xây dựng công trình;
- d) Chỉ dẫn của nhà sản xuất, cung cấp và lắp đặt thiết bị vào công trình;
- đ) Điều kiện tự nhiên nơi xây dựng công trình;
- e) Kinh nghiệm quản lý, sử dụng công trình và thiết bị lắp đặt vào công trình;
- g) Các quy định có liên quan của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Đối với công trình đã bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa có quy trình bảo trì, ngoài quy định tại khoản 2 Điều này, việc lập quy trình bảo trì còn phải căn cứ vào hồ sơ hoàn thành công trình, bản vẽ hoàn công và khả năng khai thác thực tế của công trình.

Điều 7. Thẩm định, phê duyệt quy trình bảo trì công trình đường bộ

1. Chủ đầu tư thẩm định, phê duyệt quy trình bảo trì theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 38 Nghị định 46/2015/NĐ-CP.

2. Đối với các công trình đã đưa vào khai thác nhưng chưa có quy trình bảo trì, trách nhiệm thẩm định, phê duyệt như sau:

a) Sở Giao thông vận tải tổ chức thẩm định, phê duyệt đối với hệ thống đường tỉnh do Sở Giao thông vận tải quản lý;

b) UBND cấp huyện thẩm định, phê duyệt đối với hệ thống đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị do UBND cấp huyện quản lý;

3. Chủ đầu tư có thể thuê đơn vị tư vấn có đủ điều kiện năng lực để thẩm tra một phần hoặc toàn bộ quy trình bảo trì công trình xây dựng do nhà thầu thiết kế lập làm cơ sở cho việc phê duyệt.

Điều 8. Điều chỉnh quy trình bảo trì công trình đường bộ

Trong quá trình thực hiện, khi phát hiện thấy những yếu tố bất hợp lý, ảnh hưởng tới an toàn, khả năng khai thác, chất lượng và tuổi thọ công trình đường bộ, cơ quan quản lý đường bộ được quyền điều chỉnh quy trình bảo trì theo quy định tại khoản 5 Điều 38 Nghị định 46/2015/NĐ-CP.

Điều 9. Tài liệu phục vụ bảo trì công trình đường bộ

Các tài liệu phục vụ quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ thực hiện theo quy định tại Khoản 8 Điều 41 Nghị định 46/2015/NĐ-CP.

Điều 10. Chi phí lập, thẩm tra quy trình bảo trì công trình đường bộ

1. Chi phí lập, thẩm tra quy trình bảo trì công trình đường bộ được tính trong tổng mức đầu tư xây dựng công trình;

2. Đối với công trình đã đưa và khai thác, sử dụng nhưng chưa có quy trình bảo trì, chi phí lập, thẩm tra quy trình bảo trì được tính trong chi phí bảo trì công trình đường bộ;

3. Chi phí điều chỉnh quy trình bảo trì công trình đường bộ nằm trong chi phí bảo trì công trình. Nhà thầu lập quy trình bảo trì công trình xây dựng có trách nhiệm chi trả chi phí thực hiện điều chỉnh quy trình bảo trì trong trường hợp việc phải thực hiện điều chỉnh này do lỗi của mình gây ra.

Chương III

QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ

Điều 11. Nội dung về công tác quản lý công trình đường bộ

1. Quản lý, sử dụng bản vẽ hoàn công, quy trình bảo trì công trình.
2. Lập, quản lý, sử dụng hồ sơ trong giai đoạn khai thác công trình.
3. Tổ chức thực hiện quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.
4. Theo dõi, cập nhật tình trạng hư hỏng, xuống cấp công trình đường bộ.
5. Tổ chức giao thông, trực đảm bảo giao thông, đếm xe, xử lý khi có tai nạn giao thông và khi có sự cố công trình.
6. Công tác quản lý tải trọng xe, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích lưu thông trên đường bộ được thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 12. Thực hiện công tác quản lý công trình đường bộ

Cơ quan quản lý đường bộ, nhà thầu quản lý, bảo dưỡng, khai thác công trình thực hiện công tác quản lý công trình đường bộ theo quy định tại các Điều 13, 14, 15, 16, 17 Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ

Điều 13. Lập, phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch bảo trì công trình đường bộ.

1. Lập kế hoạch bảo trì công trình đường bộ:

a) Hàng năm, căn cứ vào tình trạng công trình đường bộ, cơ quan quản lý đường bộ lập kế hoạch bảo trì công trình đường bộ gửi Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh Cao Bằng (*Cùng thời điểm xây dựng dự toán ngân sách hàng năm*) cụ thể:

- Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm lập kế hoạch bảo trì hệ thống đường tỉnh thuộc phạm vi quản lý.

- UBND cấp huyện chịu trách nhiệm lập kế hoạch bảo trì đối với hệ thống đường huyện, đường tỉnh, đường đô thị thuộc phạm vi quản lý.

b) Nội dung kế hoạch nhu cầu bảo trì công trình đường bộ bao gồm: Kế hoạch bảo dưỡng thường xuyên công trình, kế hoạch sửa chữa công trình theo từng tuyến đường (bao gồm: danh mục, hạng mục công trình; khối lượng; dự kiến kinh phí; thời gian thực hiện; phương thức thực hiện; mức độ ưu tiên; giải pháp sửa chữa) và các công tác khác nếu có (*Theo biểu mẫu quy định tại Phụ lục số 01 của Quy định này*).

2. Phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình đường bộ:

a) UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch bảo trì đối với hệ thống công trình đường bộ do Sở Giao thông vận tải quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kế hoạch bảo trì đối với hệ thống công trình đường bộ do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm báo cáo kế hoạch bảo trì về Quỹ bảo trì đường bộ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

c) Quỹ bảo trì đường bộ, các phòng chuyên môn trực thuộc cấp huyện có trách nhiệm tổng hợp, lập kế hoạch bảo trì công trình đường bộ trình UBND tỉnh, UBND cấp huyện trước ngày 31/10 hàng năm (*Theo biểu mẫu quy định tại Phụ lục số 01 của Quy định này*).

d) Phê duyệt kế hoạch bảo trì đường bộ căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách địa phương và nguồn kinh phí Quỹ bảo trì đường bộ.

3. Thẩm định kế hoạch bảo trì đường bộ:

a) Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh có trách nhiệm xem xét, thẩm định kế hoạch bảo trì công trình đường bộ trình UBND tỉnh phê duyệt trên cơ sở đề xuất của Sở Giao thông vận tải.

b) Các phòng chuyên môn trực thuộc cấp huyện có trách nhiệm xem xét, thẩm định kế hoạch bảo trì công trình đường bộ trình UBND huyện, Thành phố phê duyệt.

4. Điều chỉnh kế hoạch bảo trì công trình đường bộ:

Việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch bảo trì công trình đường bộ do UBND tỉnh, UBND huyện, Thành phố quyết định trên cơ sở đề nghị của Quỹ bảo trì đường bộ, phòng chuyên môn trực thuộc cấp huyện và căn cứ vào khả năng nguồn kinh phí.

Điều 14. Thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ

1. Căn cứ kế hoạch bảo trì công trình đường bộ hàng năm được phê duyệt, dự toán chi ngân sách địa phương và kế hoạch chi của Quỹ bảo trì đường bộ, Sở Giao thông vận tải, UBND các huyện triển khai thực hiện theo quy định;

2. Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Giao thông Vận tải tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch bảo trì của các đơn vị có sử dụng nguồn kinh phí từ Quỹ bảo trì đường bộ.

Điều 15. Đánh giá sự an toàn công trình đường bộ

Thực hiện theo quy định tại Điều 43 Nghị định 46/2015/NĐ-CP.

Điều 16. Quản lý chất lượng trong công tác bảo trì công trình đường bộ

Sở Giao thông vận tải, UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm tổ chức giám sát, nghiệm thu công tác bảo dưỡng, thi công sửa chữa công trình, lập, quản lý và lưu giữ hồ sơ sửa chữa công trình theo quy định của pháp luật về quản lý công trình xây dựng và các quy định pháp luật khác có liên quan. Việc quản lý chất lượng công trình xây dựng thực hiện theo quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 Điều 41 Nghị định 46/2015/NĐ-CP.

Điều 17. Xử lý đối với công trình, bộ phận công trình đường bộ hư hỏng không bảo đảm an toàn cho khai thác sử dụng

Khi phát hiện công trình hoặc hạng mục công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng thì cơ quan quản lý, sử dụng công trình có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều 44 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và các quy định tại Điều 23 Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT.

Điều 18. Xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp

Công trình hết thời hạn sử dụng thì cơ quan quản lý đường bộ phải thực hiện các công việc quy định tại Điều 45 Nghị định 46/2015/NĐ-CP và các quy định tại Điều 24 Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT.

Điều 19. Áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và định mức Kinh tế - Kỹ thuật về bảo trì công trình đường bộ

Thực hiện theo quy định tại Điều 25, Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT.

Điều 20. Chế độ báo cáo thực hiện công tác bảo trì

1. Sở Giao thông vận tải tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh định kỳ hàng năm trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo;

2. Đối với hệ thống đường do Sở Giao thông vận tải quản lý:

Nhà thầu quản lý, bảo dưỡng công trình báo cáo Sở Giao thông vận tải, kết quả thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ theo định kỳ, báo cáo quý trước ngày 25 của tháng cuối quý, báo cáo năm trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. Đối với hệ thống đường do UBND cấp huyện quản lý:

UBND các huyện, thành phố báo cáo Sở Giao thông vận tải kết quả thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ đối với các tuyến đường được giao quản lý định kỳ hàng năm trước ngày 31 tháng 12.

4. Ngoài báo cáo định kỳ theo quy định cơ quan quản lý đường bộ có trách nhiệm báo cáo đột xuất khi có sự kiện bất khả kháng ảnh hưởng đến công trình đường bộ hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

5. Nội dung báo cáo phải nêu đầy đủ các thông tin sau: tên công trình, hạng mục công trình thực hiện; khối lượng và kinh phí thực hiện; thời gian hoàn thành; những điều chỉnh, phát sinh so với kế hoạch được duyệt; đánh giá kết quả thực hiện (theo kế hoạch được duyệt); đề xuất và kiến nghị trong quá trình thực hiện công tác bảo trì công trình đường bộ.

Điều 21. Kinh phí quản lý, bảo trì công trình đường bộ

1. Nguồn từ kinh phí quản lý, bảo trì công trình đường bộ: Quỹ bảo trì đường bộ trung ương cấp, vốn ngân sách nhà nước, vốn ODA, các nguồn vốn từ việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định của pháp luật.

2. Việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo trì công trình đường bộ thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 22. Công tác bảo dưỡng thường xuyên đường bộ

1. Phương thức thực hiện:

Đối với đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện: Thực hiện theo phương thức đặt hàng hoặc đấu thầu, thời gian thực hiện:

- Đặt hàng: 1 năm;

- Đấu thầu: từ 3 năm đến 5 năm (được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu).

2. Lập, phê duyệt giá dịch vụ công ích quản lý bảo dưỡng thường xuyên đường bộ:

a) UBND tỉnh phê duyệt đơn giá dịch vụ công ích công tác quản lý bảo dưỡng thường xuyên đường bộ, theo đề nghị của Sở Giao thông Vận tải sau khi được Sở Tài chính thẩm định.

b) Sở Giao thông vận tải, UBND cấp huyện, phê duyệt giá dịch vụ công ích công tác quản lý bảo dưỡng thường xuyên đường bộ trên cơ sở đơn giá dịch vụ công ích quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

Giá dịch vụ công ích được lập trên cơ sở hư hỏng thực tế, hạn mức kinh phí được cấp hàng năm, định mức kinh tế kỹ thuật hiện hành (Thông tư 75/2011/TTLT-BCT-BGTVT, Định mức bảo dưỡng thường xuyên đường bộ ban hành kèm theo Quyết định số 3409/QĐ-BGTVT ngày 08/9/2014 của Bộ Giao thông vận tải, Tiêu chuẩn kỹ thuật bảo dưỡng thường xuyên đường bộ TCCS 07: 2013/TCĐBVN của Tổng cục Đường bộ Việt Nam) hoặc các định mức kinh tế kỹ thuật hiện hành.

3. Thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên:

a) Thực hiện khoán theo mục tiêu công tác bảo dưỡng thường xuyên.

b) Sở Giao thông vận tải hướng dẫn yêu cầu kỹ thuật, chất lượng nghiệm thu, nội dung nghiệm thu theo chất lượng thực hiện bảo dưỡng thường xuyên.

Điều 23. Công tác sửa chữa định kỳ đường bộ

Cơ quan quản lý đường bộ tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật hoặc Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng hiện hành.

Điều 24. Công tác sửa chữa đột xuất

1. Công tác khắc phục hậu quả bão lũ:

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 30/2010/TT-BGTVT ngày 01 tháng 10 năm 2010 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về phòng chống và khắc phục hậu quả lụt bão trong ngành đường bộ.

2. Khắc phục hậu quả do các nguyên nhân đột xuất khác:

a) Khi xảy ra thiệt hại do các nguyên nhân đột xuất khác, đơn vị quản lý đường bộ phải thực hiện ngay việc khắc phục, đảm bảo giao thông một cách nhanh nhất. Trình tự, thủ tục lập tương tự như quy định về khắc phục hậu quả bão lũ bước 1 tại Điều 20, Điều 21 Thông tư số 30/2010/TT-BGTVT ngày 01 tháng 10 năm 2010 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về phòng chống và khắc phục hậu quả lụt bão trong ngành đường bộ.

b) Nguồn kinh phí và quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí khắc phục hậu quả do các nguyên nhân đột xuất khác theo quy định tại Điều 22, Điều 23 Thông tư số 30/2010/TT-BGTVT ngày 01 tháng 10 năm 2010 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về phòng chống và khắc phục hậu quả lụt bão trong ngành đường bộ.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Tổ chức thực hiện

1. Sở Giao thông vận tải:

a) Tham mưu giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về lĩnh vực quản lý, bảo trì công trình đường bộ trong phạm vi tỉnh;

b) Tổ chức thực hiện quản lý, bảo trì các tuyến đường tỉnh được giao quản lý;

c) Hàng năm tổng hợp, báo cáo tình hình quản lý, bảo trì mạng lưới giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, tham mưu cho UBND tỉnh bố trí dự toán kinh phí bảo trì công trình đường bộ của địa phương theo quy định hiện hành.

b) Hướng dẫn các đơn vị thực hiện thanh toán, quyết toán nguồn kinh phí quản lý du tu bảo trì công trình đường bộ tại địa phương theo đúng quy định.

3. Hội đồng quản lý Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh:

a) Quản lý, phân bổ nguồn kinh phí Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh theo quy định hiện hành.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông Vận tải, Sở Tài chính thực hiện kiểm tra định kỳ, đột xuất các đơn vị được giao quản lý, sử dụng nguồn kinh phí Quỹ bảo trì đường bộ.

4. UBND cấp huyện:

a) Tổ chức thực hiện quản lý, bảo trì các tuyến đường huyện, đường đô thị được giao quản lý;

b) Báo cáo tổng hợp tình hình quản lý, bảo trì mạng lưới giao thông đường bộ trong phạm vi quản lý, gửi về Sở Giao thông vận tải trước ngày 05 tháng 01 hàng năm.

5. Nhà thầu quản lý, bảo trì công trình:

a) Thực hiện việc quản lý, bảo trì công trình đường bộ được giao đúng theo Quy định này, các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo trì hoặc quy trình bảo trì công trình, nội dung quy định trong hợp đồng ký với cơ quan quản lý đường bộ và quy định của pháp luật có liên quan;

b) Báo cáo cơ quan quản lý đường bộ về tình hình quản lý, bảo trì công trình đường bộ theo quy định.

6. Chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường bộ đang khai thác:

- a) Bảo trì công trình đường bộ kể từ ngày nhận bàn giao để thực hiện dự án;
- b) Thực hiện các biện pháp đảm bảo giao thông, trực đảm bảo giao thông, tham gia xử lý khi có tai nạn giao thông và sự cố công trình theo quy định này và quy định của pháp luật có liên quan;
- c) Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý đường bộ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc thực hiện quy định này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 26. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu gặp khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức và cá nhân kịp thời phản ánh trực tiếp về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Ánh
Hoàng Xuân Ánh

PHỤ LỤC 01

KẾ HOẠCH NHU CẦU BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ NĂM ...

Đơn vị:.....

(Ban hành kèm theo Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2016 của UBND tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị tính:.....

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng	Kinh phí thực hiện	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Giải pháp sửa chữa	Mức độ ưu tiên	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>
	TỔNG SỐ								
A	Bảo dưỡng thường xuyên								
B	Sửa chữa định kỳ								
	Công trình năm trước								
	Công trình làm mới								
C	Sửa chữa đột xuất								
D	Khác								
	CHI TIẾT								
A	Bảo dưỡng thường xuyên								
1	Tên đường								
	Bảo dưỡng thường xuyên đường								
	Bảo dưỡng thường xuyên cầu								
2								
B	Sửa chữa định kỳ								
1	Tên đường								
a	Công trình năm trước								
	Tên công trình								
								
b	Công trình làm mới								
	Tên công trình								
2								
C	Sửa chữa đột xuất								
1	Tên đường								
	Tên công trình sửa chữa đột xuất								
								
2								
D	Khác								

PHỤ LỤC 02
KẾ HOẠCH BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ NĂM ...

Đơn vị:.....

(Ban hành kèm theo Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2016
của UBND tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị tính:.....

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng	Kinh phí thực hiện	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Giải pháp sửa chữa	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ							
A	Bảo dưỡng thường xuyên							
B	Sửa chữa định kỳ							
	Công trình năm trước							
	Công trình làm mới							
C	Sửa chữa đột xuất							
D	Khác							
	CHI TIẾT							
A	Bảo dưỡng thường xuyên							
1	Tên đường							
	Bảo dưỡng thường xuyên đường							
	Bảo dưỡng thường xuyên cầu							
2							
B	Sửa chữa định kỳ							
1	Tên đường							
a	Công trình năm trước							
	Tên công trình							
							
b	Công trình làm mới							
	Tên công trình							
2							
C	Sửa chữa đột xuất							
1	Tên đường							
	Tên công trình sửa chữa đột xuất							
							
2							
D	Khác							